

3	Các công trình do huyện Nhơn Trạch đầu tư theo phân cấp (ưu tiên dự án xã điểm nông thôn mới)	NT	800.000	800.000	320.000	270.000					50.000	
4	Các công trình do huyện Long Thành đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	LT	600.000	600.000	300.000	250.000					50.000	
5	Các công trình do huyện Cẩm Mỹ đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	CM	550.000	550.000	190.000	160.000					30.000	
6	Các công trình do huyện Thống Nhất đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	TN	550.000	550.000	190.000	160.000					30.000	
7	Các công trình do huyện Tân Phú đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	TP	550.000	550.000	190.000	160.000					30.000	
8	Các công trình do huyện Xuân Lộc đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	XL	550.000	550.000	190.000	160.000					30.000	

9	Các công trình do huyện Vĩnh Cửu đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	VC	550.000	550.000	190.000	160.000					30.000	
10	Các công trình do huyện Định Quán đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	ĐQ	550.000	550.000	190.000	160.000					30.000	
11	Các công trình do huyện Trảng Bom đầu tư theo phân cấp (ưu tiên công trình giao thông thuộc xã điểm nông thôn mới)	TB	550.000	550.000	190.000	160.000					30.000	
B	Dự án cấp nước		5.233.701	3.773.822	1.248.000	293.000				353.000	602.000	
1	Dự án cấp nước Nhơn Trạch, giai đoạn 02 công suất 100.000m ³ /ngày vốn ODA (chủ yếu làm công tác chuẩn bị hồ sơ)	VC	2.218.000	2.218.000	50.000					10.000	40.000	Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
2	Dự án cấp nước Nhơn Trạch, giai đoạn 01 công suất 100.000m ³ /ngày vốn ODA (đã có vốn ODA và vốn đối ứng)	NT	1.424.345	540.000	540.000					63.000	477.000	Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
3	Dự án cấp nước Thuận Tân, giai đoạn 02 công suất 100.000m ³ /ngày vốn ODA	VC	525.534	100.000	100.000					15.000	85.000	Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước

4	Cải tạo tuyến ống cấp nước từ đường CMT8 đến mô A cầu Giếng xã Hiệp Hòa	BH	80.000	80.000	40.000	40.000	40.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
5	Hệ thống cấp nước phường Trưng Dài	BH	56.157	56.157	28.000	28.000	28.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
6	Hệ thống cấp nước phường Bưu Hòa	BH	25.198	25.198	13.000	13.000	13.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
7	Hệ thống cấp nước phường Tân Biên	BH	13.493	13.493	7.000	7.000	7.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
8	Hệ thống cấp nước phường Tân Phong	BH	15.000	15.000	8.000	8.000	8.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
9	Hệ thống cấp nước phường An Bình, Tân Mai, Tân Hiệp, Tam Hiệp	BH	60.000	60.000	30.000	30.000	30.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
10	Dự án Nhà máy nước Hòa An	BH	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000				45.000				Công ty CP DV và XD cấp nước Đông Nai
11	Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung áp Đồi Riêu, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khanh (ngân sách tỉnh đầu tư khu đầu môi và đường ống chính)	LK	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
12	Hệ thống cấp nước xã Long Hưng	LT	43.000	43.000	22.000	22.000	22.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
13	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến Trường Sĩ quan Lục quân 2	LT	15.000	15.000	8.000	8.000	8.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước
14	Hệ thống cấp nước TT Long Giao	CM	70.000	70.000	35.000	35.000	35.000								Công ty TNHH 01 TV XD cấp nước

15	Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom	TB	17.630	17.630	6.000	6.000						Công ty TNHH 01 TVXD cấp nước
16	Hệ thống cấp nước tập trung xã Đồi 61	TB	8.900	8.900	5.000	5.000						Trung tâm Nước sạch và môi trường nông thôn
17	Hệ thống cấp nước tập trung các xã: Xã Nam Cát Tiên, Thanh Sơn	TP	20.000	20.000	10.000	10.000						Trung tâm Nước sạch và môi trường nông thôn
18	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Điền	TP	25.000	25.000	12.500	12.500						Trung tâm Nước sạch và môi trường nông thôn
19	Hệ thống cấp nước tập trung xã Lộ 25	TN	12.000	12.000	6.000	6.000						Trung tâm Nước sạch và môi trường nông thôn
20	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Thạnh	TN	10.192	10.192	5.000	5.000						Trung tâm Nước sạch và môi trường nông thôn
21	Dự án cấp nước 05 xã Kiệm Tân và đồ thủ Dầu Giây	TN	120.000	120.000	120.000					120.000		Công ty CP cấp nước Gia Tân
22	Mở rộng hệ thống cấp nước TT Gia Ray	XI	39.252	39.252	20.000	20.000						Trung tâm Nước sạch và môi trường nông thôn
23	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú	XL	15.000	15.000	7.500	7.500						Trung tâm Nước sạch và môi trường nông thôn
24	Dự án cấp nước hồ Cầu Mới	LT	250.000	100.000	100.000					100.000		Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới
25	Hệ thống cấp nước huyện Nhơn Trạch	NT	120.000	120.000	25.000	25.000						Công ty TNHH 01 TVXD cấp nước
C	Thoát nước và xử lý nước thải		9.225.297	2.975.000	1.045.000	130.000				150.000	850.000	
1	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa giai đoạn 01	BH	7.196.000	1.000.000	1.000.000					150.000	850.000	Ban QLDA thoát nước

2	DA trạm xử lý nước thải giai đoạn 01 công suất 16.000m ³ /ngày huyện Nhơn Trạch	NT	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	Ban QLDA thoát nước
3	DA Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch I ra rạch Bà Kỳ	NT	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	Ban QLDA thoát nước
4	DA Hệ thống thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sinh	LT	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	Ban QLDA thoát nước
5	Tuyến thoát nước từ KCN NT 06 ra rạch Cái Sinh	NT	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	Ban QLDA thoát nước
6	Tuyến thoát nước đai cây xanh huyện Nhơn Trạch	NT	237.042	230.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	Ban QLDA thoát nước
7	Tuyến thoát nước đường số 02 (từ trung tâm huyện đến HL 19)	NT	246.000	230.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	Ban QLDA thoát nước
8	DA HTTN khu vực suối Nước Trong huyện LT	LT	268.000	246.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	Ban QLDA thoát nước
9	DA Hệ thống thoát nước khu vực TT xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	VC	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	Ban QLDA thoát nước
10	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Xuân Lộc	XL	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	Ban QLDA thoát nước
11	Dự án HTTN cho KCN và TT Tân Phú	TP	51.255	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	Ban QLDA thoát nước
12	Hệ thống thoát nước đô thị Dầu Giây	TN	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	Ban QLDA thoát nước

13	Hệ thống thoát nước thải tập trung TT Gia Ray gđ 01	XL	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000						Ban QLDA thoát nước
14	HT thoát nước thải tập trung TT Long Giao gđ 01	CM	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000						Ban QLDA thoát nước
15	Hệ thống thoát nước thải tập trung thị trấn Trảng Bom gđ 01	TB	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000						Ban QLDA thoát nước
16	Hệ thống thoát nước thải tập trung thị trấn Long Thành gđ 01	LT	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000						Ban QLDA thoát nước
17	Hệ thống xử lý nước thải thị xã Long Khánh gđ 01	LK	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000						Ban QLDA thoát nước
18	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Tân Phú gđ 01	TP	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000						Ban QLDA thoát nước
19	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TT VA gđ 01	VC	100.000	100.000	30.000	30.000	30.000						Ban QLDA thoát nước
20	Xử lý thoát nước cục bộ tại các huyện. TX. TP. BII		220.000	220.000	130.000	130.000		130.000					

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Thanh

**Chương trình 2:
Bảo vệ môi trường
giai đoạn 2011 - 2015**

**Đơn vị chủ trì và triển khai thực hiện:
Sở Tài nguyên và Môi trường**

**UBND tỉnh phân công Lãnh đạo theo dõi, chỉ đạo chương trình:
Đ/c Đinh Quốc Thái - Chủ tịch UBND tỉnh**

Số: 54/2011/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 125/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thông qua Đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 05 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết 195/2010/NQ-HĐND ngày 19/12/2010 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 125/2008/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 526/TTr-TNMT ngày 22 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Giao trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi chung việc triển khai Chương trình này, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các sở, ngành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Thanh

**CHƯƠNG TRÌNH
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 05 năm 2011 - 2015; Nghị quyết số 125/2008/NQ-HĐND và Nghị quyết số 195/2010/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung một số điều Nghị quyết số 125/2008/NQ-HĐND về Đề án bảo vệ môi trường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xây dựng Chương trình bảo vệ môi trường giai đoạn 2011 - 2015 với nội dung như sau:

**Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ TÌNH HÌNH
QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

Những năm qua, trong bối cảnh chịu sự tác động khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; nhiều biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường đã triển khai thực hiện có hiệu quả, ô nhiễm môi trường đã từng bước kiểm soát và ngăn chặn, bảo vệ được môi trường sinh thái, hạn chế tác động xấu của môi trường đối với con người, tạo nền tảng và tiền đề quan trọng cho sự phát triển tiếp theo. Song, trong quá trình phát triển cũng đã phát sinh những tác động ảnh hưởng đến môi trường, ở một số nơi môi trường còn bị ô nhiễm đã trở thành vấn đề bức xúc và còn nhiều thách thức.

I. Hiện trạng môi trường:

Chất lượng các thành phần môi trường qua kết quả quan trắc, theo dõi diễn biến trong giai đoạn 2006 - 2010 nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường nhưng chưa ổn định, bền vững, còn nhiều nguy cơ phát sinh ô nhiễm cục bộ.

- Chất lượng nước mặt ở đa số các sông, suối, hồ trong tỉnh như: Sông Đồng Nai, các hồ Trị An, Đa Tôn, Suối Tre, Cầu Mới, Núi Le, Gia Ui,... Nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường về chất lượng nước dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt. Một số sông, hồ trước đây ô nhiễm nặng nay đã phục hồi như sông Thị Vải, hồ Sông Mây. Tuy nhiên, vẫn còn một số khu vực có biểu hiện nguồn nước bị ô nhiễm như: Tại khu vực gần chân cầu La Ngà thuộc hồ Trị An, sông Cái, sông Đồng Nai đoạn chảy qua thành phố Biên Hòa; tại một số suối, kênh rạch thoát nước trong đô thị, nhất là trong thành phố Biên Hòa (như suối Linh, suối Săn Máu, suối Siệp và suối Bà Lúa). Những nguồn nước này thường bị ô nhiễm hữu cơ, vi khuẩn gây bệnh, chất lượng nước chưa được cải thiện nhiều trong thời gian qua, nhất là các kênh rạch thoát nước nội ô.

- Chất lượng nước dưới đất tương đối ổn định, qua kết quả quan trắc hầu hết các thông số hóa lý đều đạt tiêu chuẩn cho phép, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh (coliform) còn vượt quy chuẩn môi trường ở một vài trường hợp; cá biệt có phát hiện ô nhiễm pH, amoni, sắt, coliform tại một số điểm quan trắc.

- Chất lượng môi trường không khí tại hầu hết các khu công nghiệp, khu đô thị, khu vực nông thôn nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường. Tuy nhiên, ô nhiễm bụi trong không khí xung quanh còn phổ biến ở các trục giao thông lớn, với mức ô nhiễm nhẹ (hàm lượng bụi vượt quy chuẩn cho phép trong khoảng từ 01 đến 03 lần). Ngoài ra, tại các nút giao thông lớn còn có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ về monoxit cacbon (CO), nhưng tần suất phát hiện ô nhiễm còn thấp và không thường xuyên.

- Chất lượng môi trường đất các khu vực đô thị, khu công nghiệp và nông thôn nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường.

II. Tình hình quản lý về môi trường:

1. Những kết quả đạt được:

Thực hiện Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010 theo Quyết định số 27/2007/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã được các ngành, các cấp và cộng đồng quan tâm thực hiện. Nhiều nhiệm vụ, giải pháp được triển khai đồng bộ, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và đạt một số kết quả như sau:

a) Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về bảo vệ môi trường:

- Đến cuối năm 2010, có 19/21 khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt 90,5%, tăng 52,5% so với năm 2006, vượt 20,5% so với mục tiêu Chương trình đề ra (70%), cao hơn 32,2% so với cả nước (cả nước đạt 58,3%).

- Tỷ lệ thu gom các loại chất thải rắn thông thường đạt 85,2% tăng 25,2% so với năm 2006, vượt 5% so với chỉ tiêu Chương trình đề ra; thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 61% tăng 36% so với năm 2006, vượt 01% so chỉ tiêu Chương trình và tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế công lập đạt 100% tăng 25% so với năm 2006, đạt chỉ tiêu Chương trình.

- Tỷ lệ che phủ cây xanh đến năm 2010 đạt 54,3%, trong đó độ che phủ của rừng đạt 29,76% (tính cả diện tích nghiệm thu thành rừng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BNN ngày 28/5/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định xác định rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng) tăng 3,48% so với năm 2006, gần đạt chỉ tiêu Chương trình đề ra là 30%.

- Tỷ lệ các khu đô thị có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung chưa đạt mục tiêu Chương trình đề ra (30 - 40%). Tuy nhiên, diện tích đô thị có hệ thống thoát nước hiện hữu đạt trên 30%.

- Tỷ lệ số hộ đô thị được cấp nước sạch đến năm 2010 đạt 98%, tăng 20% so với năm 2006; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2010 đạt 90%, chưa đạt chỉ tiêu Chương trình đề ra (trên 95% dân số sử dụng nước sạch cho sinh hoạt).

b) Thực hiện các dự án tổng thể về bảo vệ môi trường:

Các dự án tổng thể về bảo vệ môi trường đã được triển khai, thực hiện; kết quả đã đề xuất được nhiều giải pháp góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm, như các dự án: Thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải đô thị; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp, kê cả chất thải nguy hại; nâng cao năng lực quan trắc trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường:

Việc tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng; hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường được nhân rộng với sự tham gia, hưởng ứng của nhiều cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường được ký kết giữa ngành Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh và huyện đã và đang được triển khai thực hiện ngày càng hiệu quả.

Thực hiện dân chủ cơ sở về bảo vệ môi trường, các thông tin, dữ liệu về môi trường (như kết quả quan trắc, hiện trạng chất lượng môi trường; các văn bản, quy định, các hoạt động về bảo vệ môi trường của địa phương,...) Được thông tin công khai qua các cơ quan thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Tài nguyên và Môi trường, chương trình phát thanh cấp huyện, xã, qua tiếp xúc cử tri, qua các buổi sinh hoạt của đoàn thể... Qua đó, nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường từng bước được nâng lên.

d) Công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường:

- Tổ chức, bộ máy quản lý môi trường từng bước được kiện toàn, vai trò của lực lượng Cảnh sát Phòng chống tội phạm môi trường được phát huy; cán bộ chuyên trách môi trường cấp huyện, cán bộ địa chính - môi trường cấp xã được bổ sung. Các ngành xây dựng, nông nghiệp, công thương, y tế,... Các tổ chức chính trị - xã hội và các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn trên địa bàn đều bố trí nhân sự phụ trách về công tác bảo vệ môi trường.

- Công tác thẩm định, phê duyệt thủ tục môi trường tuân thủ đúng quy định pháp luật, ngày càng chặt chẽ, đảm bảo chất lượng. Từ 2006 đến 2010, có 267 dự án đã được phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường; 1.459 dự án được xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường; 111 cơ sở được phê duyệt, xác nhận đề án bảo vệ môi trường; 747 cơ sở được cấp Sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải; 03 doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động quản lý chất thải nguy hại. Các hệ thống xử lý chất thải đã được kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu mới đưa vào hoạt động, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường tập trung thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và đẩy mạnh công tác hậu kiểm. Trong 05 năm qua, đã kiểm tra 1.655 đơn vị, thanh tra 1.282 đơn vị; giải quyết 667 đơn thư khiếu kiện về môi trường. Qua thanh tra, kiểm tra, đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 1.458 trường hợp với tổng số tiền xử phạt, nộp ngân sách trên 12 tỷ đồng.

- Chú trọng giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường ở các KCN, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các doanh nghiệp trên lưu vực sông Thị Vải, sông Đồng Nai. Hoàn thành việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức kiểm tra, phân loại về môi trường theo Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với 423 cơ sở, công bố danh mục 123 cơ sở gồm 45 cơ sở ô nhiễm môi trường và 78 cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kết quả, đã có 32/123 cơ sở được chứng nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm.

- Hoạt động quan trắc môi trường được tăng cường cả về khối lượng và tần suất, kịp thời nắm bắt, dự báo được diễn biến môi trường trên địa bàn. Mạng lưới quan trắc, phân tích môi trường được mở rộng, quan trắc môi trường nước từ 06 sông, 06 hồ và 04 suối năm 2005 đến nay đã mở rộng 11 sông, 12 hồ và 07 suối; quan trắc không khí mở rộng thêm khu vực nông thôn, miền núi (năm 2005 chỉ quan trắc tại khu công nghiệp, đô thị và giao thông). Về vị trí, tần suất và số mẫu quan trắc tăng từ 2 - 3 lần so với năm 2005, nhất là tại các khu vực quan trọng như: Sông Đồng Nai, La Ngà, Thị Vải, các khu công nghiệp, đô thị...

- Công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn được triển khai thực hiện tốt, từ năm 2006 đến 2010 đã thu được 61,71 tỷ đồng đối với nước thải (nước thải công nghiệp: 26,74 tỷ, nước thải sinh hoạt: 34,97 tỷ), 376 triệu đồng đối với chất thải rắn (năm 2010).

- Tổ chức hoạt động quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh đi vào nền nếp; đến nay nguồn vốn quỹ có 35,24 tỷ đồng, đã hỗ trợ các hợp tác xã dịch vụ môi trường, các doanh nghiệp thuộc cơ sở gây ô nhiễm môi trường thực hiện 13 dự án đầu tư cho việc thu gom vận chuyển chất thải và các công trình xử lý môi trường với tổng vốn duyệt cho vay là 26,37 tỷ đồng, chiếm 74,8% tổng vốn hiện có của quỹ.

e) Công tác bảo vệ môi trường đô thị, nông thôn:

- Tiếp tục được quan tâm đầu tư, công tác quy hoạch về thoát nước và xử lý nước thải tập trung cho các đô thị; quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và các cơ sở giết mổ tập trung đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh đã được xây dựng và từng bước được tổ chức triển khai thực hiện. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được thực hiện chặt chẽ, ngày càng có hiệu quả, tình hình phá rừng, cháy rừng được hạn chế.

f) Về nguồn lực kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường:

Trong giai đoạn 2006 - 2010, tổng kinh phí đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường là 1.347 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách Nhà nước là 828 tỷ đồng (chiếm 61,5%), vốn xã hóa là 519 tỷ đồng (chiếm 38,5%), trong đó vốn đầu tư của các Công ty Kinh doanh hạ tầng KCN đối với công trình xử lý nước thải tập trung là 517 tỷ đồng, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2005 (149 tỷ đồng).

Như vậy, thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đồng Nai đã luôn ưu tiên các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường. Mức vốn đầu tư tăng lên hàng năm, năm 2010, vốn sự nghiệp môi trường đạt 105,6 tỷ đồng, chiếm 1,5% tổng chi

ngân sách và tăng gấp 11 lần so với năm 2006 (9,6 tỷ đồng). Tổng chi sự nghiệp bảo vệ môi trường giai đoạn 2006 - 2010 là 212,4 tỷ đồng, tăng 19 lần so với 2001 - 2005 (10,95 tỷ đồng).

2. Những tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình quản lý bảo vệ môi trường cũng còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Môi trường công nghiệp, đô thị vẫn chưa chuyển biến đáng kể. Còn 02 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở các đô thị chưa được xây dựng; tiến độ triển khai xây dựng các khu xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh còn chậm.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại, mặc dù đạt chỉ tiêu nhưng chưa xử lý đạt yêu cầu (chất thải thông thường xử lý đạt quy chuẩn khoảng 25%, chất thải y tế tư nhân chưa xử lý triệt để), đang gây ra áp lực lớn trong việc xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra mặc dù được tăng cường, nhưng việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường dẫn đến tồn tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; việc xử lý một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng còn chậm và chưa triệt để.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế trên như sau:

- Về khách quan: Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đồng bộ, hoàn chỉnh, các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đáp ứng quá trình phát triển công nghiệp hóa, đô thị hóa; cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến việc đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật về môi trường và các hạng mục công trình xử lý chất thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Về chủ quan: Chủ yếu là do các ngành, các cấp nhận thức chưa sâu sắc và đầy đủ về tầm quan trọng của quan điểm phát triển bền vững của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường chưa chặt chẽ, đồng bộ; năng lực cán bộ quản lý môi trường chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp chưa cao; nhận thức về lợi ích bảo vệ môi trường, về vệ sinh môi trường của cộng đồng còn hạn chế; ngoài ra, do việc đầu tư các công trình bảo vệ môi trường yêu cầu kinh phí lớn, công nghệ và tính chất phức tạp nên thủ tục, thời gian thực hiện kéo dài.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. Mục tiêu, chỉ tiêu:

1. Mục tiêu:

Xây dựng Đồng Nai thành tỉnh phát triển bền vững, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường, tập trung ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục suy thoái, phục hồi và nâng cao chất lượng môi trường.

2. Các chỉ tiêu môi trường đến năm 2015 như sau:

- Tỷ lệ số cơ sở sản xuất xây dựng mới phải có công nghệ tiên tiến, xử lý các loại chất thải đạt quy chuẩn môi trường là 90 - 95%.

- Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường là 50 - 60%; khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường là 100%.

- Tỷ lệ số hộ gia đình nông thôn có hố xí hợp vệ sinh là 80%, số hộ gia đình có chuồng trại hợp vệ sinh là 80%; số hộ nông dân ứng dụng các chương trình phòng trừ dịch hại tổng hợp và dịch bệnh là 85%; số cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng các biện pháp xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường là 80%.

- Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại; thu gom 100% và xử lý trên 80% chất thải nguy hại.

- Thu gom và xử lý 50% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ hộ gia đình đô thị được sử dụng nước sạch đạt 99%.

- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 56%; trong đó giữ vững tỷ lệ che phủ rừng 29,76%.

- Cải tạo 50% kênh mương, đoạn sông, suối chảy qua các đô thị đã bị ô nhiễm nặng.

II. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể giai đoạn 2011 - 2015:

Để đáp ứng mục tiêu của chương trình đến 2015 cần tập trung thực hiện nhiệm vụ đột phá như sau:

Một là, huy động và tập trung các nguồn lực tham gia đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải rắn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của tỉnh.

Hoàn thành việc lập và phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn đến năm 2025; tập trung kinh phí từ ngân sách Nhà nước và triển khai các chính sách kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch, trong đó có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về: Đất đai, thuế, đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào công trình, lao động và vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước; công bố rộng rãi về quy hoạch, dự án và các cơ chế, chính sách thực hiện để kêu gọi đầu tư. Ưu tiên ứng dụng các công nghệ hiện đại, công nghệ mới, thân thiện với môi trường để xử lý chất thải rắn có thu hồi được năng lượng, sản phẩm có ích, tránh phát sinh ô nhiễm thứ cấp. Quản lý chặt chẽ việc thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải rắn đạt quy chuẩn môi trường theo các chỉ tiêu đã đề ra; tiến hành đóng cửa và thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường 100% lượng chất thải rắn tại các bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

Hai là, theo dõi chặt chẽ diễn biến chất lượng môi trường để có giải pháp ngăn chặn ô nhiễm, khắc phục suy thoái, phục hồi và nâng cao chất lượng môi trường.

Tập trung hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường (đất, nước, không khí và chất độc hóa học Dioxin); đào tạo nâng cao năng lực quan trắc; đầu tư thiết bị quan trắc, chú trọng trang thiết bị quan trắc tự động; hoàn thành đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc tự động tại các khu công nghiệp đã lắp đầy trên 50% diện tích; có giải pháp yêu cầu các doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc tự động nước thải. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường và xây dựng cơ chế chia sẻ, trao đổi dữ liệu, thông tin về môi trường trong tỉnh, với Trung ương và các tỉnh, thành lân cận.

Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về bảo vệ môi trường giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

1. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức, trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng để bảo vệ môi trường.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Thực hiện dự án tổng thể về tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, định hướng đến 2020.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm và hành động thực tiễn của doanh nghiệp, cộng đồng về sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức, đa dạng hóa nội dung, hướng đến từng nhóm đối tượng cụ thể như: Thông qua chương trình liên tịch với các đoàn thể, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát động và duy trì thường xuyên các hoạt động hưởng ứng các tuần lễ bảo vệ môi trường... Nội

dung tập trung vào tuyên truyền, phổ biến về hậu quả của ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu; vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ giảm thiểu phát thải khí nhà kính, tiết kiệm và tái sử dụng nước, tài nguyên; công khai thông tin về diễn biến chất lượng môi trường, kết quả xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; các vấn đề bức xúc về môi trường được xã hội, dư luận quan tâm.

- Cập nhật và công bố công khai các thủ tục hành chính rộng rãi ở các cấp; tập huấn các văn bản pháp luật về môi trường; tăng cường công tác giáo dục môi trường trong hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh.

2. Phòng ngừa, khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm nhằm cải thiện chất lượng môi trường:

Tăng cường đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về môi trường; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra; nâng cao năng lực quan trắc, theo dõi chặt chẽ diễn biến môi trường, có giải pháp ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, khắc phục và giảm thiểu ô nhiễm, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường.

Đề thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Thực hiện dự án tổng thể về bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh đến năm 2010, định hướng đến 2020, gắn kết với Dự án Ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến 2020 và kế hoạch 05 năm (2011 - 2015) thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung tăng cường giám sát, quan trắc các nguồn thải; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp; áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án xử lý chất thải nhằm giảm thiểu tác động cộng hưởng của xâm nhập mặn và ô nhiễm môi trường đối với vùng bảo hộ vệ sinh cấp nước sinh hoạt trên lưu vực sông Đồng Nai (trước mắt là đoạn từ cầu Đồng Nai đến đập thủy điện Trị An và hồ Trị An).

- Tăng cường đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về môi trường theo quy hoạch; tập trung xây dựng hệ thống xử lý nước

thải tập trung các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị và hệ thống khu xử lý chất thải rắn.

- Thực hiện dự án tổng thể ứng cứu sự cố môi trường về tràn dầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, gồm: Đầu tư trang thiết bị; xây dựng, cập nhật và phát triển bản đồ nhạy cảm môi trường đường bờ - ESI; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; tập huấn diễn tập về ứng phó sự cố tràn dầu.

- Thực hiện phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường ngành công thương, đặc biệt sự cố môi trường do hóa chất gây ra.

- Triển khai kế hoạch hành động khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Đồng Nai đến 2015, định hướng đến năm 2020, gồm: Quan trắc, đánh giá phạm vi, mức độ tồn lưu và hậu quả lâu dài của chất độc hóa học đối với con người và môi trường; xác định và triển khai các giải pháp nhằm khắc phục một cách cơ bản ô nhiễm môi trường, phục hồi tài nguyên và chăm sóc các nạn nhân chất độc hóa học; xây dựng Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại thành phố Biên Hòa; nâng cao nhận thức, trách nhiệm tham gia của cộng đồng, của Quốc tế và năng lực khắc phục hậu quả chất độc hóa học.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện môi trường, ứng dụng công nghệ năng lượng mới; kiên quyết không cho phép đưa vào hoạt động, vận hành các cơ sở không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường. Hạn chế đầu tư vào các ngành khai thác tài nguyên, sử dụng diện tích đất lớn, tiêu hao nhiều năng lượng.

- Thực hiện chặt chẽ, đúng quy định công tác thẩm định và phê duyệt đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, các dự án về xử lý chất thải. Tăng cường việc quản lý, cấp phép đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn thông thường và nguy hại, chất thải y tế).

- Tiếp tục thực hiện Thông tư 07/2007/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô

nhiệm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn và tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và chứng nhận khắc phục ô nhiễm đồng thời xử lý nghiêm minh các cơ sở cố tình không khắc phục theo qui định pháp luật.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất về bảo vệ môi trường hàng năm, tập trung vào các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp có nguồn thải lớn), hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và phân bón.

- Kiên quyết xử lý nghiêm, dứt điểm các sai phạm, tạo sự nghiêm minh trong thi hành pháp luật, công khai thông tin kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết và cùng tham gia giám sát.

- Nâng cao năng lực quan trắc, theo dõi chặt chẽ diễn biến môi trường. Đẩy mạnh công tác điều tra, nắm chắc các nguồn gây ô nhiễm, nhất là các khu vực trọng điểm. Hoàn thiện mạng lưới quan trắc trên địa bàn tỉnh và nâng cao năng lực quan trắc môi trường. Đầu tư trang thiết bị công nghệ, chú trọng đầu tư thiết bị quan trắc tự động về môi trường nước, không khí.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường và xây dựng cơ chế chia sẻ, trao đổi dữ liệu thông tin về môi trường trong tỉnh, với Trung ương và các tỉnh, thành lân cận.

- Triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường; tiếp tục triển khai thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP, Nghị định 04/2007/NĐ-CP và chất thải rắn theo Nghị định 174/2007/NĐ-CP và nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định.

- Chủ động thực hiện, áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó, xử lý và khắc phục ô nhiễm môi trường do thiên tai, sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn, chú trọng tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành trong khu vực.

3. Bảo vệ và khai thác hợp lý, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên:

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tài nguyên đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản.

Đề thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh; hoàn thành lập và triển khai thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2011 - 2015) trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành lập quy hoạch tài nguyên nước đến năm 2020. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác nước dưới đất, bảo đảm khai thác và sử dụng hợp lý, bền vững nguồn tài nguyên nước.

- Thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2020; quy hoạch cát, sỏi xây dựng đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh, đồng thời tiếp tục điều tra, đánh giá đúng thực trạng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn, bảo vệ các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Tăng cường kiểm soát việc thăm dò và cấp phép khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; thẩm định cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; kiên quyết bắt buộc các cơ sở khai thác khoáng sản phải khôi phục môi trường sau khi kết thúc quá trình khai thác theo đúng thiết kế được phê duyệt.

4. Bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học:

Bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái, các loài sinh vật và tài nguyên di truyền; kiểm soát và quản lý đa dạng sinh học trong bối cảnh tỉnh Đồng Nai phát triển công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Thực hiện dự án tổng thể về bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực quản lý Nhà nước, kiện toàn hệ thống tổ chức, đào tạo đội ngũ cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật về bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học và quản lý an toàn sinh học.

- Tổ chức điều tra, đánh giá, đề xuất các giải pháp ngăn ngừa và kiểm soát hạn chế sự phát triển các loài sinh vật ngoại lai xâm hại môi trường.

- Bảo vệ phát triển rừng, đẩy nhanh tiến độ trồng rừng tập trung, phân tán; kiểm soát chặt chẽ việc săn bắt, khai thác và buôn bán động thực vật quý hiếm. Lập và triển khai quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020.

- Thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống cháy rừng, nhất là rừng đầu nguồn xung yếu và rừng phòng hộ; tăng cường công tác bảo vệ Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, Vườn Quốc gia Cát Tiên.

5. Bảo vệ môi trường tại các khu vực trọng điểm:

Tập trung bảo vệ môi trường các khu vực trọng điểm như khu vực đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng môi trường góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

a) Bảo vệ môi trường khu đô thị:

- Triển khai thực hiện các dự án khắc phục và cải tạo môi trường khu vực đô thị gồm:

+ Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa giai đoạn 01;

+ Dự án thoát nước và xử lý nước thải huyện Nhơn Trạch: Thoát nước dãy cây xanh huyện Nhơn Trạch, tuyến thoát nước

đường số 02 huyện Nhơn Trạch, nạo vét kênh thoát nước cuối đường số 02 Nhơn Trạch, đường vào trạm xử lý nước thải số 01 huyện Nhơn Trạch, trạm xử lý nước thải giai đoạn 01 công suất 16.000 m³/ngày đêm huyện Nhơn Trạch;

+ Các dự án hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước khu vực trung tâm xã Thạnh Phú (Vĩnh Cửu), tuyến thoát nước từ suối Cạn ra rạch Cái Sinh huyện Nhơn Trạch, tuyến thoát nước từ khu phố 4 tới suối Đá thị trấn Trảng Bom, tuyến thoát nước cho lưu vực tại phường Hồ Nai, hệ thống thoát nước suối Nước Trong (Biên Hòa);

+ Dự án chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan; dự án nạo vét suối Săn Máu (Biên Hòa);

+ Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị: Long Khánh, Long Thành, Dầu Giây, Long Giao, Trảng Bom, Gia Ray, Định Quán, Vĩnh An, thị tứ Túc Trung.

- Lập, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, bao gồm: Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại liên huyện tại xã Quang Trung (Thống Nhất), xã Bàu Cạn (Long Thành), xã Vĩnh Tân (Vĩnh Cửu); khu xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại tại xã Tây Hòa (Trảng Bom), xã Xuân Mỹ (Cẩm Mỹ); các khu xử lý chất thải rắn thông thường tại xã Phước An (Nhơn Trạch), xã Túc Trung (Định Quán), xã Xuân Tâm (Xuân Lộc), xã Phú Thanh (Tân Phú). Xây dựng và thực hiện kế hoạch xử lý các bãi rác đến thời hạn đóng cửa và bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, tập trung đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về môi trường theo Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.

- Đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn y tế của các bệnh viện huyện và bệnh viện khu vực; riêng thành phố Biên Hòa xây dựng và vận hành công trình xử lý chất thải rắn tập trung tại nghĩa trang thành phố. Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hiện có tại 17 bệnh viện, 03 Trung tâm Y tế các huyện Định Quán, Long Thành, thị xã Long Khánh, 04 Trung tâm Y tế

tuyển tinh gồm: Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm và thực phẩm, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe và môi trường và các trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Ban hành tiêu chí xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc diện phải di dời ra khỏi khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; lập và công bố danh sách các cơ sở thuộc diện phải di dời và thực hiện kế hoạch di dời, đảm bảo đúng tiêu chí, lộ trình và các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi vào các vùng quy hoạch khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Triển khai đề án chuyển đổi công năng khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành khu đô thị thương mại - dịch vụ nhằm bảo vệ môi trường thành phố Biên Hòa và sông Đồng Nai.

b) Bảo vệ môi trường khu công nghiệp và cụm công nghiệp:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung các khu công nghiệp, đẩy mạnh việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải của các cụm công nghiệp, đảm bảo 100% khu công nghiệp và trên 30% cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường. Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc tự động tại các khu công nghiệp đã lắp đầy trên 50% diện tích.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra thực hiện đúng quy chế quản lý cụm công nghiệp theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Bảo vệ môi trường khu vực nông thôn:

- Tiếp tục thực hiện Chương trình Quốc gia về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch 97-KH/TU của Tỉnh ủy về "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn"; tập trung thực hiện quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và các cơ sở giết mổ tập trung đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 đã được phê duyệt; xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020; dự án khí sinh học (biogas) cho ngành chăn nuôi ở Việt Nam.

- Đẩy mạnh phổ biến, tập huấn về kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp, về quản lý dịch hại tổng hợp, về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, xử lý chất thải triệt để trong nông nghiệp; kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thực hiện phòng chống dịch hại vật nuôi (như dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng, dịch heo tai xanh); quy hoạch và xây dựng các điểm chôn lấp, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

(Danh mục, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường theo Phụ lục 01).

III. Các giải pháp chung:

1. Về cơ chế chính sách:

- Ban hành kịp thời các văn bản cụ thể hóa các quy định pháp luật về môi trường để áp dụng trên địa bàn tỉnh. Chú trọng ban hành các quy định quy chế phối hợp trong quản lý; quy định về tổ chức, hoạt động; quy định về cơ chế chính sách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Kịp thời triển khai thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường đến các ngành, địa phương, người dân, doanh nghiệp và cộng đồng để biết và chấp hành. Tập trung rà soát các văn bản, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học đã ban hành để đề xuất bãi bỏ những văn bản không phù hợp; kiến nghị Trung ương bổ sung, điều chỉnh các quy định còn thiếu, chưa phù hợp.

- Thực hiện chủ trương kinh tế hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phù hợp với thực tiễn của tỉnh; xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ về vốn, thuế, phí theo quy định đối với các dự án về: Xử lý chất thải, ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện môi trường

và sản xuất sạch; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc diện phải di dời ra khỏi khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, hướng dẫn, bổ sung, ban hành một số cơ chế chính sách, chế độ ưu đãi, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư vào các dự án và phát triển các dịch vụ bảo vệ môi trường.

2. Về nguồn lực để thực hiện chương trình:

a) Về nhân lực:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy và tăng cường nhân lực quản lý môi trường nhất là cấp huyện, xã; chú trọng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực về lĩnh vực môi trường theo hướng kết hợp quản lý hành chính từ tỉnh đến xã và phối hợp giữa các ngành, đơn vị cùng cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức, khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu chuyển giao ứng dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải.

- Ban hành và thực hiện quy chế phối hợp quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh phối hợp giữa các ngành, các cấp trong các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo trách nhiệm quản lý đã được phân công, phân cấp.

- Thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo về bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh.

b) Về kinh phí:

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình bảo vệ môi trường giai đoạn 2011 - 2015 theo dự toán là 6.344 tỷ đồng (không bao gồm kinh phí thực hiện các dự án về bảo vệ môi trường theo Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015), trong đó: Sự nghiệp 882 tỷ đồng (chiếm 13,9%), xây dựng cơ bản 2.228 tỷ đồng (chiếm 35,1%), xã hội hóa 3.234 tỷ đồng (chiếm 51%). (Chi tiết tại Phụ lục 02).

c) Về huy động đầu tư:

- Tiếp tục tăng cường đầu tư ngân sách cho công tác bảo vệ môi trường; phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí sự nghiệp, xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế và các nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, công trình đầu tư về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi xã hội hóa đầu tư vào các công trình hạ tầng về môi trường và phát triển các dịch vụ bảo vệ môi trường.

- Tăng tỷ lệ đầu tư cho môi trường trong nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục vay vốn ODA đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, thị trấn.

- Tiếp tục hỗ trợ vốn từ quỹ bảo vệ môi trường tỉnh cho các dự án bảo vệ môi trường thuộc các nhóm đối tượng ưu tiên gồm: Nhóm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc danh mục do UBND tỉnh phê duyệt; nhóm các hợp tác xã và nông thôn; nhóm thuộc diện ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường theo Nghị định 04/2009/NĐ-CP; nhóm các doanh nghiệp thuộc Chương trình chuyên dịch cơ cấu các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015.

- Tổ chức thực hiện tốt, đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định pháp luật về thuế và phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; buộc bồi thường thiệt hại về môi trường do những hành vi làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái để tăng nguồn thu, tái đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

3. Về xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường:

- Tăng cường truyền thông về xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; khuyến khích và hỗ trợ thành lập, đưa vào hoạt động các mô hình cộng đồng tự quản về bảo vệ môi trường; xã hội hóa thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Huy động và phát huy sức mạnh các nguồn lực đầu tư từ cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước cho công